

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 / 9 / 2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoa Bích T, sinh năm 1985; địa chỉ: số A, ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn P, thuộc Đoàn Luật sư A; có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoa Bích T trình bày, sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông Phan Quốc T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/4/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phan Hoa Thảo D, sinh ngày 02/4/2013; không có tài sản chung, nợ chung. Sau khoảng thời gian 03 năm chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung khoảng 04 năm nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T; yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Hoa Thảo D; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản sao trích lục khai sinh số 1504/TLKS-BS ngày 18/6/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp đối với Phan Hoa Thảo D, sinh ngày 02/4/2013 (số đăng ký 207 ngày 28/4/2014); bản sao Trích lục kết hôn số 98/TLKH-BS ngày 19/7/2016 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp (số đăng ký 84 ngày 28/4/2014).

- Bị đơn ông Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như nguyên đơn đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông T chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ khi bà T gửi đơn khởi kiện, ông T không có ý kiến phản hồi; ông T, bà T không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Đồng thời, bà T xác định không còn tình cảm với ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu D cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung, đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Hoa Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Quốc T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Quốc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T xác định, cách nay khoảng hơn 04 năm, bà T, ông T thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp và bà T, ông T không còn sống chung từ đầu năm 2015 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông T không còn sống chung hơn 04 năm nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, bà T và ông T có sinh 01 con chung tên Phan Hoa Thảo D, sinh ngày 02/4/2013.

Xét thấy, con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Ông T không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa, theo văn bản trình bày ý kiến ngày 31/01/2020, cháu D có nguyện vọng muốn sống với bà T khi bà T, ông T ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu D giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu D cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu D nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoa Bích T.

1. Về hôn nhân: Bà Hoa Bích T được ly hôn với ông Phan Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn 84 ngày 28/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Hoa Bích T và ông Phan Quốc T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Hoa Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Hoa Thảo D, sinh ngày 02/4/2013. Ông Phan Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Hoa Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Quốc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hoa Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn)

đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0008005 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 02 năm 2020; bà Hoa Bích T đã nộp đủ án phí.

Ông Phan Quốc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Hoa Bích T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Phan Quốc Thanh E được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình